

Bản án số: **03/2022/KDTM-PT**
Ngày: 26- 01- 2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Thanh.

ông Nguyễn Hồng Ánh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh : bà Nguyễn Thị Châu Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM ngày 15/03/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2021/QĐ-PT ngày 16/11/2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐ-PT ngày 23/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-PT ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SH.**

Địa chỉ: phố T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn AD, ông Luyện DH, ông Ninh VT- Chức vụ: Cán bộ Khối quản lý và xử lý nợ có vấn đề - Ngân hàng TMCP SH

2. Bị đơn: **Công ty TNHH MTV CL.**

Địa chỉ: Phường G, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần NK- chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Tập đoàn CNTT VN** (nay là Tổng công ty CNTT).

Địa chỉ: đường N, phường G, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị AN– Địa chỉ: Khu đô thị M, phường M2, quận N, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: **Tập đoàn CNTT VN** (nay là Tổng công ty CNTT).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 19/10/2006 Ngân hàng TMCP SH (SHB), Công ty TNHH MTV CL (viết tắt là Công ty CL) và Tập đoàn CNTT VN (nay là Tổng công ty CNTT, viết tắt là SBIC) ký Hợp đồng Bảo lãnh cam kết trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV CL để được Ngân hàng TMCP nhà HN (nay là SHB) cấp hạn mức tín dụng số 1910/2006/HBB-VINASHIN-CAILANSHINCO.

Ngày 18/4/2007 SHB và Công ty Công nghiệp CL ký kết Hợp đồng tín dụng số 0704Po063/HĐTD, ngày 06/9/2007 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 35.511.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất kết cấu thép phi tiêu chuẩn tại khu công nghiệp CL, tỉnh Quảng Ninh. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên; Lãi suất cho vay trong hạn là 14,22% một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất gửi tiết kiệm 24 tháng cộng với 4,8%/năm đã bao gồm phí quản lý tín dụng.

Ngày 30/10/2008 hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0810THNC009/HĐTDHM/2008, ngày 26/02/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 2.158.124.819 đồng, ngày 07/8/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 5.600.000.000 đồng, ngày 18/9/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 2.150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay và được quy định cụ thể tại mỗi giấy nhận nợ, nhưng phải trong thời hạn vay vốn của hợp đồng này. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm theo giấy nhận nợ.

Ngày 10/02/2009 hai bên ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0901QN07/HĐTD-NH/2009, ngày 18/02/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 5.339.848.800 đồng, ngày 29/5/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 1.140.000.000 đồng, ngày 18/9/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 2.122.000.000 đồng, ngày 30/11/2009 ký giấy nhận nợ vay số tiền là 1.398.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay và được quy định cụ thể mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm.

Ngày 10/9/2007 hai bên ký Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay. Tài sản thế chấp là các thiết bị chính cho dây chuyền sản xuất thép kết cấu phi tiêu chuẩn tại khu Công nghiệp CL, Quảng Ninh (Tài sản thế chấp này đã xử lý bán đấu giá thu hồi nợ).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0704Po063/HĐTD ngày 18/4/2007 SHB đã giải ngân số tiền 55.418.973.619 đồng, công ty CL đã nhận đủ. Công ty đã trả 1.322.065.067 đồng nợ gốc, đến ngày 28/8/2020 dư nợ gốc còn lại 34.188.934.933 đồng. Khoản tiền nợ gốc này phát sinh lãi từ ngày 06/9/2007, quá hạn ngày 07/12/2009, do vi phạm hợp đồng tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 105.582.835.557 đồng, trong số tiền nợ lãi Công ty CL đã trả 12.319.726.378 đồng lãi. Như vậy, tính đến 12/6/2020 còn lại số tiền lãi là 93.263.109.179 đồng, trong đó lãi trong hạn: 32.723.391.611 đồng; lãi quá hạn: 60.458.015.689 đồng; lãi chậm trả lãi: 81.701.879 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0810THNC009HĐTDHM/2008 ngày 30/10/2008 đã giải ngân 9.908.124.819 đồng, Công ty đã nhận đủ số tiền này. Đến ngày 28/8/2020 dư nợ gốc còn lại là 9.908.124.819 đồng. Khoản tiền nợ gốc này phát sinh lãi từ ngày 26/02/2009, quá hạn ngày 18/6/2010. Số tiền lãi đã trả 486.404.200 đồng, do vi phạm hợp đồng lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 19.688.304.279 đồng. Như vậy, tính đến ngày 12/6/2020 còn nợ lãi là 19.201.900.079 đồng, trong đó lãi trong hạn: 526.526.998 đồng; lãi quá hạn: 18.672.846.392 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.526.689 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0901QN07/HĐTD-NH/2009 ngày 10/02/2009 đã giải ngân 9.999.848.000 đồng, công ty đã nhận đủ số tiền này. Đến ngày 28/8/2020 dư nợ gốc còn lại là 9.999.848.000. Khoản tiền nợ gốc này phát sinh lãi từ ngày 18/02/2009, quá hạn ngày 18/02/2010, số tiền lãi đã trả 666.026.200 đồng, do vi phạm hợp đồng, lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 34.723.490.149 đồng. Như vậy, tính đến ngày 12/6/2020 còn nợ lãi là 34.057.463.949 đồng, trong đó lãi trong hạn: 1.663.498.536 đồng; lãi quá hạn: 32.390.240.277 đồng; lãi chậm trả lãi: 3.725.136 đồng.

Tổng cộng dư nợ gốc của cả 03 Hợp đồng tín dụng tính đến 28/8/2020 là 54.096.908.552 đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày 12/6/2020 là: 146.522.473.207 đồng, trong đó lãi trong hạn: 34.913.417.145 đồng; lãi quá hạn: 111.521.102.358 đồng; lãi chậm trả lãi: 87.953.704 đồng.

Nay SHB yêu cầu Công ty CL phải trả cho SHB số tiền nợ gốc đến ngày 28/8/2020 là 54.096.908.552 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 12/6/2020 là: 146.434.519.503 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 34.913.417.145 đồng; lãi quá hạn: 111.521.102.358 đồng. Còn số tiền lãi chậm trả lãi: 87.953.704 đồng, SHB không yêu cầu Công ty CL phải trả, và yêu cầu Công ty CL tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty CL thanh toán toàn bộ khoản vay cho SHB.

Trường hợp Công ty CL không trả được toàn bộ khoản vay thì yêu cầu SBIC phải thực hiện ngay nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh số 1910/2006/HBB-VINASHIN-CAILANSHINCO ngày 19/10/2006 với số tiền 60.000.000.000 đồng (trả nợ gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ khác nếu có), số tiền còn lại Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho SHB. Trường hợp Công ty CL và SBIC không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì SHB được quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CL để thực hiện nghĩa vụ trả nợ; xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của SBIC để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thu hồi nợ cho SHB.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn rút đổi với yêu cầu “Đề nghị tuyên Ngân hàng SHB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CL để thực hiện nghĩa vụ trả nợ; xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tập đoàn CNTT VN để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thu hồi nợ cho Ngân hàng SHB”.

Công ty CL xác nhận về quá trình kí kết các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh như SHB đã trình bày là đúng. Xác nhận số nợ gốc của cả 03 Hợp đồng tín dụng tính đến 28/8/2020 là 54.096.908.552 đồng. Đối với số tiền nợ lãi: Theo bảng kê tính lãi mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì việc tính lãi không đúng vì theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, khi có sự thay đổi về điều chỉnh lãi suất thì Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản và phải có xác nhận của bên vay nhưng từ năm 2010 đến nay Công ty CL không nhận được một thông báo nào về điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng gửi cho Công ty. Vì vậy, Công ty đề nghị xóa toàn bộ lãi vì hiện nay Công ty mất khả năng thanh toán, không có tiền để chi trả các khoản nợ này. Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bảo lãnh, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tổng công ty CNTT xác nhận có kí Hợp đồng bảo lãnh như SHB đã trình bày. Theo Điều lệ của Tổng công ty và mục 1 Thông tư số 03/2003/TT-NHNN ngày 24/2/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002, Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc bảo lãnh chỉ được thực hiện dưới 02 hình thức là: bảo lãnh bằng tài sản bảo đảm và bảo lãnh bằng tín chấp. Tuy nhiên, SBIC không thuộc đối tượng cấp bảo lãnh bằng tín chấp và Công ty CL cũng không thuộc đối tượng được bảo lãnh bằng tín chấp. Theo quy định tại Thông tư số 24/2007/TT-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ Tài chính, Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ thì không cho phép công ty nhà nước thực hiện việc bảo lãnh. Theo Quyết định số 247/2005/QĐ-TTG ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính Phủ, Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài Chính thì tại thời điểm này SBIC cũng không bảo đảm các điều kiện và nguyên tắc bảo lãnh theo qui định. Vì vậy, SBIC đề nghị Tòa án xem xét về tính pháp lý và hiệu lực của chứng thư bảo lãnh và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của SBIC theo đúng qui định của pháp luật. Đề nghị nguyên đơn xem xét về tiền lãi, không tính lãi hoặc giảm lãi cho bị đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 15/01/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Buộc Công ty TNHH MTV CL phải trả cho Ngân hàng TMCP SH số tiền tính đến ngày 15/01/2021 là: 131.384.063.389 đồng, trong đó tiền gốc là 54.096.908.552 đồng, lãi là: 77.287.154.837 đồng.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV CL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SH thì Tổng công ty CNTT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV CL với số tiền tối đa 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), (trả nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ khác nếu có). Số tiền còn lại Công ty TNHH MTV CL phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất, về đình chỉ phần yêu cầu mà SHB đã rút, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/02/2021, Tổng công ty CNTT có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long về trách nhiệm bảo lãnh của SBIC.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Tổng công ty CNTT giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên các quan điểm đã trình bày. Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật; Về nội dung, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ bảo lãnh của SBIC và đề nghị sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi khi thi hành án và về áp dụng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp, thực hiện các thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nằm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xem xét Hợp đồng bảo lãnh số 1910/2006/HBB-VINASHIN-CAILANSHINCO ngày 19/10/2006 giữa SHB, Công ty CL và Tập đoàn CNTT VN thấy: Hợp đồng bảo lãnh được các bên cùng ký tên, đóng dấu trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 361, Điều 362,

Điều 363 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi bổ sung năm 2004 và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh thể hiện nội dung: *“Bên bảo lãnh cam kết vô điều kiện và không huỷ ngang bảo lãnh việc thực hiện nghĩa vụ của bên được bảo lãnh để được Ngân hàng TMCP H cấp hạn mức tín dụng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là 60 tỷ đồng. Mục đích sử dụng hạn mức: vay bổ sung vốn lưu động và được ngân hàng cấp các loại bảo lãnh ngân hàng. Thời hạn bảo lãnh: Kể từ khi bên được bảo lãnh phát sinh nghĩa vụ với ngân hàng cho đến khi toàn bộ các nghĩa vụ đó (Bao gồm cả gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ nợ khác nếu có) được thanh lý.”*. Quá trình thực hiện, Ngân hàng đã thực hiện việc cấp hạn mức tín dụng theo các hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận, Công ty CL đã nhận đủ tiền, đã thực hiện đúng một phần nghĩa vụ, đến năm 2014 vi phạm nghĩa vụ trả phần nợ còn lại cho ngân hàng. Tính đến ngày 15/01/2021, còn nợ gốc số tiền là 54.096.908.552 đồng và nợ lãi số tiền là: 77.287.154.837 đồng. Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH MTV CL phải trả cho Ngân hàng TMCP SH số tiền nợ và trường hợp Công ty TNHH MTV CL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SH thì Tổng công ty CNTT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV CL với số tiền tối đa 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), (trả nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ khác nếu có) là đúng với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh.

Tổng công ty CNTT cho rằng: Theo Điều lệ của Tổng công ty và mục 1 Thông tư số 03/2003/TT-NHNN ngày 24/2/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002, Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc bảo lãnh chỉ được thực hiện dưới 02 hình thức là bảo lãnh bằng tài sản bảo đảm và bảo lãnh bằng tín chấp. Vì vậy, Tổng công ty CNTT không thuộc đối tượng cấp bảo lãnh bằng tín chấp và Công ty CL cũng không thuộc đối tượng được bảo lãnh bằng tín chấp. Tuy nhiên, thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh thì Công ty CL là công ty con của Tổng công ty CNTT và khoản vay của công ty Cái Lân có tài sản đảm bảo vì vậy khoản vay này được đảm bảo bằng cả tài sản thế chấp và bảo lãnh. Vì vậy, việc Tổng công ty CNTT bảo lãnh đối với khoản vay Công ty CL là không trái pháp luật. Ngoài ra, Tổng công ty CNTT còn cho rằng: Theo quy định tại Thông tư số 24/2007/TT-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ Tài chính, Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ thì không cho phép công ty nhà nước thực hiện việc bảo lãnh. Theo Quyết định số 247/2005/QĐ-TTG ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính Phủ, Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài Chính thì tại thời điểm này Tổng công ty CNTT cũng không bảo đảm các điều kiện và nguyên tắc bảo lãnh theo qui định. Tuy nhiên, các văn bản này đều không có qui định nào về việc cấm hoặc không cho phép công ty nhà nước thực

hiện việc bảo lãnh. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty CNTT.

Ngoài ra, xem xét đề nghị của Nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm về việc “Đề nghị tuyên Ngân hàng SHB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CL để thực hiện nghĩa vụ trả nợ; xác minh, kê biên tài sản, nguồn thu thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tập đoàn CNTT VN để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thu hồi nợ cho Ngân hàng SHB” thấy: đây là quyền của người được thi hành án được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án Dân sự, vì vậy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xem xét cách tuyên về lãi suất tại bản án sơ thẩm thấy, bản án sơ thẩm tuyên lãi suất trên số tiền nợ gốc là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên như vậy ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng SHB vì vậy cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này cho đúng.

Xem xét quan điểm của Kiểm sát tại phiên tòa về việc áp dụng pháp luật thấy, bản án sơ thẩm áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là không đúng vì luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, sau thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Vì vậy, sửa phần áp dụng pháp luật của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí.

Do kháng cáo của Tổng công ty CNTT không được chấp nhận nên Tổng công ty CNTT phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 95, 122, 123, 124, 361, 362, 363, 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 52 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty CNTT Việt Nam, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SH.
2. Buộc Công ty TNHH MTV CL phải trả cho Ngân hàng TMCP SH số tiền tính đến ngày 15/01/2021 là: 131.384.063.389 đồng (Một trăm ba mươi một tỷ, ba trăm tám mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 54.096.908.552 đồng, lãi là: 77.287.154.837 đồng. Cụ thể chi tiết từng hợp đồng như sau: Hợp đồng tín dụng

đầu tư số 0704Po063/HĐTD ngày 18/4/2007: Nợ gốc là 34.188.934.933 đồng, nợ lãi là 53.767.255.763 đồng; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0810THNC009HĐTDHM/2008 ngày 30/10/2008: Nợ gốc là 9.908.124.819 đồng, nợ lãi là 11.665.992.251 đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0901QN07/HĐTD-NH/2009 ngày 10/02/2009: Nợ gốc là 9.999.848.800 đồng, nợ lãi là 11.853.906.823 đồng.

Kể từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV CL còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty TNHH MTV CL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SH thì Tổng công ty CNTT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV CL với số tiền tối đa là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), (trả nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ khác nếu có). Số tiền còn lại Công ty TNHH MTV CL phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí phúc thẩm:

Tổng công ty CNTT phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Tổng công ty đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003290 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Tổng công ty CNTT đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Hạ Long;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang